

Bản án số: 128/2017/HSPT

Ngày: 22/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Mai Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Lộc;

Ông Trương Cao Sơn.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Hồ Vinh Phú, cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Ái Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố H, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 104/2017/HSPT ngày 11/8/2017 đối với bị cáo Phan Thị T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 132/2017/HSST ngày 04/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị cáo có kháng cáo:

Bị cáo Phan Thị T; sinh ngày 04/11/1971 tại tỉnh Thừa Thiên H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phường HS, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H; chỗ ở: Tổ 11, phường Hương Chữ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên H; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 6/12; con ông Phan Tấn L và bà Nguyễn Thị B; chồng: Nguyễn Thanh S (đã ly hôn); con: Có 02 con, lớn 21 tuổi, nhỏ 06 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; Quá trình nhân thân: Ngày 05/4/2013, bị Công an huyện QĐ, tỉnh Thừa Thiên H xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”.

Bị bắt tạm giam ngày 15/11/2016 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên H. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 02/12/2015, tại thành phố Đ, Lê Thị Thu V nhờ một người phụ nữ không rõ lai lịch có tên thường gọi là Út hỏi giúp chỗ nhận tịch đề. Út gọi điện thoại cho Phan Thị T hỏi thì T hẹn hôm sau gặp nhau tại thành phố H. Sáng ngày

03/12/2015, V rủ chồng là Võ AT (sinh năm: 1978; trú tại: đường L, phường B, quận H, thành phố Đ) ra thành phố H chơi thì AT đồng ý. Sau đó, vợ chồng V cùng vợ chồng Út đi ra thành phố H.

Nghi ngờ V giả vờ chuyển tịch đề để lừa đảo nên sáng cùng ngày T liên lạc với Nguyễn ĐT đến quán cà phê Cây Si ở đường L, phường VN, thành phố H bàn bạc việc nhận tịch đề và cách buộc V phải trả tiền là T sẽ gặp V để giới thiệu ĐT là người chủ nhận tịch đề. Khi có kết quả xổ số kiến thiết nếu V thua thì buộc phải trả, nếu V thắng thì T sẽ tìm cách để không phải trả tiền cho V. Sau khi bàn bạc xong, ĐT nhờ thêm Nguyễn VT giúp việc theo dõi và hỗ trợ để lấy tiền nếu V thua tiền.

Đến 10 giờ cùng ngày thì Út đến thành phố H và điện thoại báo cho T biết đang ở quán cà phê Pari ở đường HT, thành phố H. Một lúc sau, T đến. Út giới thiệu T với V xong thì hai vợ chồng Út ra về. T và V bàn bạc cách nhận tịch đề xong thì T gọi điện thoại gọi ĐT thì hẹn khoảng 14 giờ cùng ngày sẽ gặp ở quán cà phê Sông Xanh ở đường Nguyễn CT, phường PH, thành phố H.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, AT chở V đến quán cà phê Sông Xanh, V đi vào quán một mình, còn AT điều khiển xe đi chơi. Một lúc sau, T và ĐT đến. Tại đây, T giới thiệu ĐT là người chủ nhận tịch đề cho V biết. Sau đó, ĐT đồng ý nhận tịch ghi số đề kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc và xổ số kiến thiết 03 (ba) tỉnh miền Trung gồm Quảng Bình, Quảng Trị, Bình Định và hẹn sẽ cung cấp số fax để V fax các bảng tịch đề sang. Sau đó, ĐT đi đến quán photocopy của anh Nguyễn Đăng PQ (sinh năm: 1986) ở đường Bùi TX, phường Đ, thành phố H hỏi số fax của quán rồi thông báo cho V biết. Sau khi ĐT ra về, T chở V về lại quán cà phê Pari, đường HT, thành phố H. Tại đây, V tự soạn 05 (năm) bảng tịch đề kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc và xổ số kiến thiết 03 (ba) tỉnh miền Trung gồm Quảng Bình, Quảng Trị, Bình Định với tổng số tiền 53.087.000 đồng (năm mươi ba triệu không trăm tám mươi bảy ngàn đồng). Soạn xong, V điện thoại cho AT đến. Khi AT đến, T dẫn V đi sang bưu điện tỉnh Thừa Thiên H fax toàn bộ 05 (năm) bảng tịch đề vừa soạn rồi về lại quán cà phê Pari. Trong khoảng thời gian này, ĐT gọi điện cho VT nói VT và Nguyễn HH sang quán cà phê Pari để theo dõi V. Khi VT và Hùng đến, T ra hiệu cho VT và HH biết V là người cần theo dõi rồi ra về.

Khi có kết quả xổ số, ĐT gọi điện thông báo cho T biết V đã thua toàn bộ những con số đã đánh. T nói ĐT phải buộc V trả hết số tiền đã đánh số đề thua. Khi vợ chồng V lấy xe đi khỏi quán cà phê thì VT và HH đi phía sau để theo dõi. Đến gần bên xe phía Nam, phường АД, thành phố H thì vợ chồng V vào một quán cơm ăn cơm. VT và HH đứng phía ngoài đồng thời báo cho ĐT đến. Sau khi ăn cơm xong, vợ chồng V chuẩn bị vào thành phố Đ thì ĐT đi đến chặn đầu

xe, rút chìa khóa xe mô tô hiệu Jupiter màu vàng đen biển kiểm soát 43C1-097.68, VT và HH đứng phía sau đuôi xe để không cho vợ chồng V bỏ chạy. ĐT yêu cầu V trả tiền thua đề thì giữa V và ĐT cãi nhau. Sau đó, VT gọi xe taxi của anh Võ VQ (tên gọi khác: Bờm; sinh năm: 1989; trú tại: khu vực 7, phường АД, thành phố H) đến. ĐT, VT, HH yêu cầu vợ chồng V lên xe taxi để tìm nơi giải quyết nợ nần. Khi vợ chồng V lên xe taxi, VT và HH yêu cầu lái xe chở đến quán cà phê CR7 ở đường Hồ Đ, phường AC, thành phố H; ĐT mang xe mô tô biển kiểm soát 43C1-097.68 gửi vào bãi giữ xe của bến xe phía Nam rồi đến sau.

Tại quán cà phê CR7, ĐT tiếp tục yêu cầu V phải trả số tiền thua đề là 65.000.000 đồng. Sau đó, ĐT điện thoại cho một người phụ nữ không rõ lai lịch tên Thảo mang bản fax tịch đề đến. Sau khi tính toán, giữa V và ĐT tiếp tục cãi nhau, HH lấy 01 (một) con dao đang để trên bàn trong quán cà phê đe dọa V buộc phải trả tiền. Nghe ồn ào, chủ quán cà phê CR7 ra đuổi nhóm ĐT và V đi ra khỏi quán. ĐT, VT và HH tiếp tục đe dọa, ép buộc vợ chồng V lên taxi để đi đến chỗ khác. Khi V không chịu lên xe, HH dùng tay đánh 01 (một) cái trúng vào vai của V. Do sợ nhóm của ĐT nên vợ chồng V lên xe. ĐT và người phụ nữ tên Thảo điều khiển xe chạy sau xe taxi. Đến đoạn đường vắng và tối ở khu vực đường Võ VK, phường An Tây, thành phố H, VT và HH yêu cầu xe dừng lại. Người phụ nữ tên Thảo đi đến chỗ V đứng lục soát người V nhưng không có tiền thì bỏ về. ĐT và HH tiếp tục đe dọa, buộc V phải trả tiền thua đề. Do lo sợ, nên V nói với ĐT để gọi người nhà mang tiền đến trả. Một lúc sau, thấy không có người mang tiền đến, ĐT và HH tiếp tục đe dọa, hối thúc V gọi người nhà mang tiền đến. AT đề nghị để lại xe mô tô ĐT đang giữ thì ĐT yêu cầu AT viết vào giấy nội dung "...có bà Lan nợ số tiền 65 triệu để lại chiếc xe 43C1-097.68 để làm chứng...". Sau khi AT viết xong, ĐT giữ tờ giấy và yêu cầu V ký vào giấy. Một lúc sau, khi nhóm của ĐT vẫn đang đe dọa V buộc phải trả tiền thì bị Công an phường An Tây phát hiện mời về trụ sở làm việc.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 132/2017/HSST ngày 04/7/2017, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Phan Thị T, Nguyễn ĐT và Lê Thị Thu V phạm tội "Đánh bạc". Phan Thị T, Nguyễn ĐT, Nguyễn HH và Nguyễn VT phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Thị T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội "Đánh bạc".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Thị T 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt bị cáo Phan Thị T phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 05 (năm) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 15/11/2016.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt các bị cáo Nguyễn ĐT 04 năm 06 tháng tù về hai tội “Đánh bạc” và “Cưỡng đoạt tài sản”; bị cáo Lê Thị Thu V 01 năm 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”; bị cáo Nguyễn HH 02 năm tù, bị cáo Nguyễn VT 01 năm 09 tháng tù đều về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14/7/2017, bị cáo Phan Thị T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội “Đánh bạc”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên H có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo Phan Thị T thừa nhận hành vi phạm tội, không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, chỉ xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

XÉT THẤY:

Đã có cơ sở để kết luận: Vào sáng ngày 03/12/2015, tại quán cà phê Cây Si, đường L, phường VN, thành phố H, Phan Thị T và Nguyễn Đức Thắng bàn bạc việc đánh bạc bằng hình thức nhận tịch số đề và cách thức buộc Lê Thị Thu V phải trả tiền. Sau đó Thắng gọi điện cho Nguyễn Văn Tiến và Nguyễn Hữu Hùng để theo dõi V. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, tại quán cà phê Pari, đường HT, thành phố H, Lê Thị Thu V soạn 05 bảng tịch đề xổ số kiến thiết đài miền Bắc và 03 tỉnh miền Trung gồm Quảng Bình, Quảng Trị và Bình Định với tổng số tiền ghi trên tịch đề là 53.087.000 đồng, rồi fax cho Nguyễn ĐT để đánh bạc dưới hình thức ghi số đề. Sau khi có kết quả, ĐT điện thoại báo cho T biết V đã thua toàn bộ số tiền đã đánh và gọi Nguyễn VT và Nguyễn HH cùng theo dõi, đe dọa buộc V phải trả tiền. Khi V cùng chồng là anh Võ AT rời khỏi quán cà phê đến ăn cơm ở một quán gần bến xe phía Nam xong và chuẩn bị vào lại thành phố Đà Nẵng thì ĐT, VT, HH chặn lại. Sau đó ép buộc vợ chồng V đi xe taxi đến quán cà phê CR7 để trả tiền. Còn xe mô tô của vợ chồng V thì Thắng đưa vào bãi giữ xe của bến xe phía Nam. Tại quán cà phê CR7 đường Hồ Đ, thành phố H và đường Võ VK, thành phố H, Nguyễn ĐT, Nguyễn HH và Nguyễn VT có hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực nhằm uy hiếp tinh thần đối với Lê Thị Thu V yêu cầu trả

số tiền thua số đề với số tiền 65.000.000đồng. Nguyễn ĐT đe dọa, uy hiếp yêu cầu anh Võ Anh T viết giấy với nội dung "...có gửi cho anh Nguyễn ĐT 1 chiếc xe Jupiter biển số 43C1 09768 có bà Lan nợ số tiền 65 triệu đồng để lại chiếc xe 43C1 09768 để làm chứng...".

Với các hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân thành phố H đã kết án bị cáo Phan Thị T về các tội "Đánh bạc" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 248 và tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 135 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo Phan Thị T xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội "Đánh bạc", thấy rằng: Bị cáo Phan Thị T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc đánh bạc bằng hình thức nhận tịch số đề là vi phạm pháp luật nhưng do muốn hưởng lợi nên đã bất chấp, coi thường pháp luật, đã bàn bạc và phân công nhiệm vụ đối với Nguyễn ĐT là người làm chủ nhận tịch đề của Lê Thị Thu V; nên bị cáo Phan Thị T là người chủ mưu, cầm đầu, có vai trò chính về hành vi "Đánh bạc". Hành vi phạm tội của bị cáo Phan Thị T đã xâm phạm trật tự công cộng và trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo T có quá trình nhân thân xấu, vì vậy, cần xử phạt thích đáng mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự để xử bị cáo T 01 năm 09 tháng tù về tội "Đánh bạc" là đã xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như đặc điểm nhân thân của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Thị T. Do vậy, chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên H tại phiên tòa, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phan Thị T phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Thị T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội "Đánh bạc".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Thị T 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt bị cáo Phan Thị T phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 05 (năm) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 15/11/2016.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phan Thị T phải chịu 200.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT Huế;
- Phòng PV27 CA tỉnh TT Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh TT Huế;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Công an thành phố H;
- Chi cục THA thành phố H;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA; Tổ HCTP; Tòa HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đào Thị Mai Hương